

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2022/DS-PT

Ngày 10/03/2022

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản; hợp đồng hợp tác”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Ứng

Các Thẩm phán: Ông Bùi Danh Đại

Ông K'Tiên

- Thư ký phiên tòa: Ông Trừ Minh Quốc – Là Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 86/2021/TLPT-DS ngày 16 tháng 12 năm 2021 về việc *“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản; hợp đồng hợp tác”*. Do bản án dân sự sơ thẩm số: 27/2021/DS-ST ngày 23/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 06/2022/QĐ-PT ngày 15 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Vũ Thị L – Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn T, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Nông .

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Trung X – Có mặt.

Địa chỉ: Tổ dân phố 3, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Nông. *(Theo văn bản ủy quyền ngày 16/6/2021).*

- Bị đơn: Bà Phạm Thị T – Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn T, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Nông.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Hoàng Thị S – Có mặt.

Địa chỉ: Xó 255, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Nông *(Theo văn bản ủy quyền ngày 29/9/2021).*

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Phạm Thị T: + Ông Đào Ngọc M – Luật sư thuộc Công ty Luật TNHH D, địa chỉ: số nhà 20, ngõ 581 P, phường C, Quận B, tp, Hà Nội – Có mặt.

+ Ông Diệp Năng B – Luật sư Văn phòng Luật sư T, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hồ Chí Minh – Vắng mặt.

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà L, số 164 K, phường N, quận T, thành phố Hà Nội.

+ Ông Nguyễn Văn U – Luật sư của Trung tâm tư vấn pháp luật N.

Địa chỉ: Số 100, đường 23/3, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Vũ Văn N – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn T, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Nông.

+ Ông Lê Đức S – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn T Tâm, xã Ea Pô, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Lê Đức S: Ông Diệp Năng B – Luật sư Văn phòng Luật sư T thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hồ Chí Minh – Vắng mặt.

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà L, số 164 K, phường N, quận T, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:

Trong khoảng thời gian từ tháng 3 đến tháng 5 năm 2020 bà L có vay của bà Phạm Thị T 03 lần tổng số tiền là 1.600.000.000 đồng, bà L đã trả 50.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền 1.550.000.000 đồng. Số tiền này bà L cho vợ chồng ông Nguyễn Văn S và bà Phạm Thị Ngọc H (là cậu mợ của bà L=) trú tại Thôn 8, xã Đ, huyện C vay. Tổng số tiền bà L cho ông S, bà H đã vay là 3.300.000.000 đồng, trong đó số tiền của bà là 1.750.000.000 đồng. Đến tháng 8/2020 ông S, bà H làm ăn thất bại, không thể duy trì việc trả lãi nên ông S, bà H có ý kiến sang nhượng 03 thửa đất và toàn bộ trang trại nuôi heo với giá là 5,3 tỷ đồng bà cho bà L để cân trừ nợ, trong đó có số nợ vay tại Ngân hàng nông nghiệp PTNTVN – Phòng giao dịch N là 2 tỷ đồng. Bà L nói chuyện lại với bà T và bà T đồng ý mua. Theo thỏa thuận, bà T bỏ tiền ra để trả nợ cho ngân hàng gốc 02 tỷ và tiền lãi để tất toán hợp đồng tín dụng và giải chấp quyền sử dụng đất thế chấp của ông S, bà H và bà T đã đứng tên nhận chuyển nhượng với vợ chồng ông S, bà H toàn bộ các quyền sử dụng đất và trang trại (gồm QSDĐ số: CS 554627; BC 893852; CL 915076) và đã sang tên theo quy định của pháp luật. Sau khi hoàn thành thủ tục sang nhượng bà T đã đứng ra vay 2,2 tỷ đồng và thế chấp tài sản nêu trên. Ngày 26/10/2020 tại

nhà bà Nguyễn Thị L (Thôn T, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Nông) bà L với bà T lập Biên bản cam kết, nội dung: “*ghi nhận việc bà T đã hoàn tất thủ tục sang nhượng đối với 03 quyền sử dụng đất của ông S, bà H, giá trị nhận chuyển nhượng thỏa thuận là 5.300.000.000 đ; ghi nhận cụ thể số tiền của từng người bỏ ra để sở hữu khối tài sản này: Số tiền bà L nợ bà T 1.560.000.000 đồng; bà L bỏ số tiền 1.750.000.000 đồng; tiền nợ Ngân hàng 2.200.000.000 đồng; thỏa thuận bà T ủy quyền cho bà L được bán T lý 03 mảnh đất và toàn bộ công trình trên đất, thời hạn vào ngày 30/11/2020 và bà L phải trả lãi theo lãi Ngân hàng số tiền gốc của bà T bỏ ra*”. Tuy nhiên, bà T không lập văn bản ủy quyền cho bà L bán tài sản như thỏa thuận nên bà L không thể bán được tài sản để thu hồi tiền và việc bà T tự ý giao tài sản cho Ngân hàng T lý đã ảnh hưởng đến quyền lợi của bà L, bà L yêu cầu Tòa án buộc bà Phạm Thị T phải trả lại số tiền 1.750.000.000 đồng theo Biên bản cam kết ngày 26/10/2020.

Theo đơn phản tố của bị đơn và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn và đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày: Bà T cho rằng bà L không cho bà T mượn số tiền 1.750.000.000đ, bà L không có bỏ tiền vào khối tài sản là 03 Quyền sử dụng đất do bà T, ông S (chồng bà T) đã nhận chuyển nhượng từ ông S, bà H. Việc bà T đứng tên tất cả các quyền tài sản này là do bà L nhờ bà T đứng tên và đáo hạn ở Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh N, Đắk Nông với số tiền 02 tỷ đồng vì bà L nợ xấu, không có khả năng vay đáo hạn tại Ngân hàng. Còn việc thỏa thuận giá trị 03 Quyền sử dụng đất đã được lập thành văn bản vào ngày 26/8/2020 tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Văn N là thỏa thuận giữa bà T với vợ chồng ông S, bà H chứ không phải thỏa thuận với bà L. Văn bản ủy quyền ngày 14/9/2020 là văn bản ủy quyền của bà T cho bà L trông coi đối với 03 quyền sử dụng đất, vì các tài sản này đang được thế chấp và có đăng ký giao dịch đảm bảo theo quy định đối với Ngân hàng nên không thể có việc bà T ký ủy quyền cho bà L chuyển nhượng các quyền sử dụng đất đã mang tên bà T được.

Căn cứ vào 03 Giấy vay tiền các ngày 02/3/2020 (Âm lịch); ngày 05/4/2020 (Âm lịch); ngày 29/5/2020 (Âm lịch) và 01/6/2020 (Âm lịch) cũng như bản tự khai ngày 18/5/2021 của bà L, Biên bản đối chất ngày 12/10/2021 thì bà L thừa nhận có nợ bà T số tiền 1.600.000.000 đồng, đã trả được 50.000.000 đồng, còn nợ 1.550.000.000 đồng. Từ những căn cứ trên, bà T yêu cầu bà L phải trả lại cho bà T số tiền theo các Giấy vay tiền ngày 02/3/2020 (Âm lịch); ngày 05/4/2020 (Âm lịch); ngày 29/5/2020 (Âm lịch) và yêu cầu áp dụng lãi suất 10%/năm cho các khoản vay này tính đến thời điểm xét xử ngày 22/11/2021, cụ thể:

Khoản vay 650.000.000 đồng ngày 02/3/2020 (Âm lịch) nhằm ngày 25/3/2020, yêu cầu tính lãi: $650.000.000 \text{ đồng} \times 19,4 \text{ tháng} \times 0,83\%/\text{tháng} = 111.103.800 \text{ đồng};$

Khoản vay 250.000.000 đồng ngày 05/4/2020 (Âm lịch) nhằm ngày 27/4/2020, yêu cầu tính lãi: $250.000.000 \text{ đồng} \times 18,3 \text{ tháng} \times 0,83\%/\text{tháng} = 39.072.250 \text{ đồng};$

Khoản vay 700.000.000 đồng ngày 29/5/2020 (Âm lịch) nhằm ngày 19/7/2020, yêu cầu tính lãi: 700.000.000 đồng x 16,83 tháng x 0,83%/tháng = 97.782.300 đồng;

Gốc 1.550.000.000 đồng và lãi là 247.958.350 đồng; tổng số tiền yêu cầu bà L phải trả là 1.797.958.350 đồng (Một tỷ, bảy trăm chín mươi bốn triệu, chín trăm năm mươi tám nghìn, ba trăm năm mươi đồng)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Đức S trình bày: Ông không có quan hệ hay quen biết gì với ông S, bà H, thời gian vợ chồng ông nhận chuyển nhượng các Quyền sử dụng đất của ông S, bà H ông không nhớ rõ vì nghe vợ (bà T) nói cùng ra văn phòng công chứng ký nhận chuyển nhượng, mục đích là đảm bảo cho số tiền cô L đang nợ là 1,6 tỷ và cô L nhờ vay hộ Ngân hàng 2,2 tỷ đồng. Giá tiền chuyển nhượng hay thỏa thuận giữa các bên như thế nào thì không rõ, không quan tâm vì tin tưởng vợ. Số tiền 1.600.000.000 đồng ông S đồng ý cho bà T cho bà L vay số tiền này, ông không chứng kiến việc vay mượn hay các thỏa thuận giữa bà T và bà L.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Vũ Văn N trình bày: Số tiền bà L (vợ ông N) khởi kiện do vợ ông tự vay mượn ngoài mà có, không phải lấy tiền chung của vợ chồng để cùng mua đất nên ông N không có ý kiến gì về việc khởi kiện của bà L cũng như không liên quan đến việc vay mượn giữa bà L và bà T.

Người bảo vệ quyền là lợi ích hợp pháp của bà T trình bày: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà T với ông Sĩ, bà Hương là hợp đồng giả tạo, mục đích của việc này là để bà T đứng ra vay giùm vốn đáo hạn Ngân hàng chứ bà T không mua các quyền sử dụng đất này, việc bà T đứng tên giùm chỉ là giúp không có tính phí. Bà T để Ngân hàng bán đấu giá tài sản là do bà L không chịu trả lãi 01 kỳ, bà T đã phải trả lãi đôi với kỳ đầu tiên nên đến khi Ngân hàng báo lãi quá hạn thì bà T đã giao cho Ngân hàng T lý tài sản để thu hồi nợ. Với yêu cầu kiện đòi tài sản phần vốn góp 1.750.000.000 đồng là không có căn cứ. Đề nghị Tòa án buộc bà L phải trả lại cho bà T số tiền 1.560.000.000 đồng tiền gốc và lãi theo 03 Giấy vay tiền các ngày 02/3/2020 (Âm lịch); ngày 05/4/2020 (Âm lịch); ngày 29/5/2020 (Âm lịch) và 01/6/2020 (Âm lịch).

Người làm chứng bà Nguyễn Thị L1 trình bày: Vì là chỗ thân quen với cả bà T và bà L nên bà L1 có biết việc vay mượn giữa bà T và bà L. Vào khoảng cuối tháng 5/2020 bà L gọi bà T tới tại nhà bà L1. Tại nhà bà L1, bà L1 được nghe bà L nói với bà T nội dung như sau: Cậu em không có tiền trả cho em mà muốn gán đất nhưng em không có khả năng vay để trả vào Ngân hàng 02 tỷ, đằng nào em cũng đã nợ chị 1.550.000.000 đồng rồi chị cố giúp em vay tiền để trả vào Ngân hàng 02 tỷ lấy bìa ra thì cậu em sẽ sang tên cho chị đứng tên hộ em, phần em nợ chị 1.550.000.000 đồng em vẫn trả cho chị đầy đủ, còn đất sau này bán được như thế nào, lỗ lãi em tự chịu. Sau khi bà T đồng ý rồi thì 01/6/2020 cả 02 bà ra nhà bà L1 nhờ bà L1 viết hộ Văn bản thỏa thuận về việc cầm hộ đất rẫy, bà L1 hứa có trách nhiệm trả lãi cho Ngân hàng và trả lãi cho số tiền 1.550.000.000 đồng. Đến

ngày 01/9/2020 thì bà L1 có cùng bà T, vợ chồng ông S đi đóng tiền vào Ngân hàng. Tại Ngân hàng Ngân hàng nói ông S còn nợ lãi 06 tháng, với tổng tiền 90.904.110 đồng. Sau đó tất cả cùng ra Văn phòng công chứng làm thủ tục chuyển nhượng cho bà Phạm Thị T đứng tên. Đến ngày 26/10/2020 bà T lại ra nhờ bà L1 làm tiếp 01 văn bản: Thời hạn 30/11/2020 bà L mà không đóng lãi cho Ngân hàng và trả liền lãi cho bà T thì bà T được toàn quyền quyết định đối với trang trại rẫy này, có ông Vũ Văn T (bố đẻ của bà L) ký vào người làm chứng. Ngân hàng thì giục bà T, bà T có đóng được 03 tháng đầu, tổng số hơn 59.000.000đ. Đến kỳ đóng lãi thứ 02, Ngân hàng có thông báo nợ quá hạn thì bà T cho bà L1 xem, bà L1 nói bà T mang Thông báo này vào vào nhắc vợ chồng L đóng lãi. Ông S mang vào thì không có nói gì hết, Thông báo nợ lần 02 (khoảng tháng 3/2021) thì có bà L1 và ông Lò Văn D (Bí thư thôn T), tư pháp của xã ông Nguyễn Văn H cùng tôi và vợ chồng bà T vào nhà để đưa Thông báo nợ cho bà L. Tuy nhiên vào nhà thì có cãi vã, không có phối hợp, bà L nói với bà T là bà muốn làm gì thì bà làm. Vì bà L là chỗ thân tình nên ngày 13/4/2021 tại nhà bà L1, bà L1 có viết 01 văn bản thỏa thuận việc bán rẫy và trang trại, nội dung: hai bên thống nhất: đất hay rẽ đều phải bán để trả Ngân hàng, nếu còn lại thì chia đôi cho hai chị em. Văn bản này có ông Vũ Văn Thử (bố đẻ của bà L) ký vào người làm chứng. Cả 03 văn bản ngày 01/6/2020, 26/10/2020 và 14/3/2021 đều do bà L1 viết, viết tại nhà bà Liễu, nhưng do viết giùm nên không biết các văn bản này đang ở đâu và do ai giữ.

Người làm chứng bà Trần Thị V trình bày: Bà là hàng xóm, cùng buôn bán ở chợ E có nghe được việc bà T cho bà L vay 1.600.000.000 đồng, bà L có trả được 50.000.000 đồng; bà L nhờ bà T đứng hộ tên bà để vay hộ Ngân hàng cho bà L 2.000.000.000 đồng, sau đó 02 kỳ không đóng lãi thì bà L bỏ mặc cho Ngân hàng phát mãi tài sản. Toàn bộ nội dung sự việc bà V được nghe lại từ bà con trong chợ rồi nghe bà T kể lại chứ không trực tiếp chứng kiến việc gì liên quan đến việc vay mượn giữa bà L và bà T.

Người làm chứng bà Trần Thị M trình bày: Bà là hàng xóm, buôn bán nông sản ở chợ E có nghe được việc bà T cho bà L vay và có hỏi bà T thì được bà T kể lại: bà T có cho bà L vay 1.550.000.000 đồng, trong khi ông S (cậu ruột của bà L) có nợ bà L số tiền 3.000.000.000 đồng, do ông S không có tiền trả nợ nên đã gán diện tích đất của ông S đang thế chấp cho Ngân hàng cho bà L với số tiền hơn 5.000.000.000 đồng, trong đó nợ bà L 3.000.000.000 đồng, nợ Ngân hàng hơn 2.000.000.000 đồng. Bà T chỉ đứng tên giùm bà L còn bà L phải có trách nhiệm trả lãi, trả gốc cho Ngân hàng. Đến thời hạn trả lãi, bà L không trả nợ lãi trong vòng 01 kỳ (03 tháng) bà T phải đứng ra trả lãi; đến khi Ngân hàng báo trả nợ lãi lần 02 bà T có đến nhà bà L yêu cầu trả lãi nhưng bà L không trả nên bà T mặc kệ để ngân hàng xử lý, phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Toàn bộ nội dung sự việc bà M được nghe lại từ bà con trong chợ và bà T kể lại chứ không trực tiếp chứng kiến việc gì liên quan đến việc vay mượn giữa bà L và bà T.

Người làm chứng bà Phạm Mỹ B trình bày: Vào khoảng đầu tháng 10/2020 cô L có tới nhà bà Bình nói có đất trang trại bán lấy tiền trả nợ cho bà Bình và hỏi

bà có muốn mua trang trại tại Thôn 8, xã Đ, huyện C, tỉnh Đắk Nông với giá 5,7 tỷ hay không? Do cô L còn đang nợ mình nên bà cũng muốn xử lý tài sản bằng cách cần đất. Khi cô L đưa xem các Sổ đỏ phô tô muốn bán thì bà Bình thấy đúng tên Phạm Thị T và Lê Đức S, bà B nói không phải đất của cô L sao mà bán được thì cô L có nói là có ủy quyền của bà T để bán tài sản và về nhà lấy Giấy ủy quyền. Sau khi đọc thì nội dung ủy quyền không như cô L nói mà chỉ ủy quyền cho cô L trông coi. Bà B thấy cô L nói không đúng, cô L không có quyền bán tài sản nên không mua và sau đó bà Bình có kiện cô L để đòi lại tiền cô L đã vay. Việc khởi kiện giữa bà L và bà T thì bà B không có ý kiến gì.

Người chứng kiến ông Vũ Văn T trình bày: Ông không được biết việc làm ăn hay quan hệ giữa cô L và cô T, chỉ đến ngày 26/10/2020 cô L và cô T có yêu cầu ông T đến nhà bà Nguyễn Thị L tại Thôn T, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Nông để chứng kiến việc các bên thỏa thuận về tiền nợ và sang đất của ông Nguyễn Văn Sĩ, bà Phạm Thị Ngọc H với bà Phạm Thị T. Sau ngày 26/10/2020 thì sau khoảng đến tháng 3/2021 bà T lại mời ông T đến nhà bà L1 để chứng kiến việc các bên có một thỏa thuận cùng nhau tìm người mua để T lý các tài sản đồng sở hữu theo Bản cam kết mà ông Thứ được viết, lời ăn lỗ chịu nhưng trong Biên bản này không ghi rõ số tiền cụ thể mà các bên tự định giá tài sản hay là số tiền dự định bán tài sản. Biên bản này do bà Liễu ghi và ông Thứ ký vào người làm chứng.

Tại bản án số: 27/2021/DS-ST ngày 23/11/2022 của Tòa án nhân dân huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông đã tuyên xử:

“Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị L.

1. Buộc bà Phạm Thị T phải trả cho bà Vũ Thị L số tiền 1.750.000.000đ (Một tỷ, bảy trăm năm mươi triệu đồng).

2. Bác yêu cầu phản tố của bà Phạm Thị T đối với số tiền 1.797.958.350đ (Một tỷ, bảy trăm chín mươi bảy triệu, chín trăm năm mươi tám nghìn, ba trăm năm mươi đồng).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 06/12/2021 bà Phạm Thị T kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu phản tố, yêu cầu kháng cáo và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật để đảm bảo quyền lợi của các bên.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày: Theo quy định về hợp đồng vay tài sản thì nguyên đơn chưa hề giao tài sản là số tiền vay này cho bị đơn. Tài sản đang được thế chấp và có giao dịch bảo đảm thì không được quyền ký chuyển nhượng nên việc bị đơn không ký thỏa thuận cho nguyên đơn được quyền bán là đúng. Không có việc góp vốn của bị đơn cùng với nguyên đơn vì thực chất

không có thỏa thuận này. Nếu góp vốn thì không có việc thỏa thuận cam kết bà L là người có trách nhiệm trả lãi cho bà T đối với số tiền đã góp. Mặt khác, nguyên đơn thừa nhận có khoản vay với số tiền 1.550.000.000 đồng là có căn cứ nên đề nghị chấp nhận yêu cầu phản tố này. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

Về nội dung: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu trả lại số tiền 1.750.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận vì theo các văn bản thỏa thuận ngày 01/6/2020; ngày 26/10/2020 và ngày 14/3/2021 có cơ sở xác định mặc dù hai bên có việc vay mượn nhưng sau đó có cùng nhau góp vốn để nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất nhằm mục đích bán lại kiếm lời và chia nhau. Tuy nhiên, tài sản góp vốn cùng mua chung do bà T đứng tên đã thế chấp Ngân hàng và bị Ngân hàng kê biên, bán đấu giá và giá trị tài sản bán đấu giá là thấp hơn giá trị các bên cùng góp vốn và yếu tố lỗi thuộc về bà T nên có căn cứ buộc bà T phải trả lại cho bà L số tiền đã góp là có cơ sở.

Đối với yêu cầu phản tố: Theo các giấy vay tiền phía bị đơn cung cấp và được nguyên đơn thừa nhận là có khoản vay này. Bà L có nợ bà T là có thật nên cần buộc bà L phải trả cho bà T đối với khoản vay này là phù hợp.

Từ những phân tích nêu trên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 và Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Phạm Thị T, sửa bản án sơ thẩm số: 27/2021/DS-ST ngày 23/11/2022 của Tòa án nhân dân huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L, chấp nhận yêu cầu phản tố của bà T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bà Phạm Thị T làm trong thời hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là hợp lệ.

[1.2]. Về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp: Nội dung đơn đơn khởi kiện ban đầu nguyên đơn cho rằng nguyên đơn có đưa cho bị đơn mượn số tiền 1.750.000.000 đồng nhưng đến nay chưa trả nên yêu cầu bị đơn trả lại số tiền 1.750.000.000 đồng, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn thừa nhận góp tiền vào mua đất trang trại chung với bị đơn theo “Biên bản cam kết” ngày 26/10/2020. Bị đơn có yêu cầu phản tố về việc yêu cầu nguyên đơn phải trả lại số tiền 1.797.958.350 đồng mà nguyên đơn đã vay của bị đơn, trong đó tiền gốc là 1.550.000.000 đồng và tiền lãi là 247.958.350 đồng. Như vậy, căn cứ nội dung yêu

cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu phản tố của bị đơn và các tài liệu chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án có cơ sở để xác định quan hệ pháp luật đang tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và tranh chấp hợp đồng hợp tác*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp “*Kiện đòi tài sản*” là nhầm lẫn, chưa chính xác.

[2]. *Xét nội dung giải quyết vụ án và yêu cầu kháng cáo:*

[2.1]. Tài liệu, chứng cứ thể hiện: Ban đầu bà L có vay của bà T 03 lần với tổng số tiền 1.600.000.000 đồng theo các giấy vay tiền ngày 02/3/2020; ngày 05/4/2020 và ngày 29/5/2020, bà T đã trả 50.000.000 đồng, còn nợ 1.550.000.000 đồng. Mục đích vay số tiền này của bà L cho vợ chồng ông S, bà H vay lại để làm trang trại chăn nuôi heo, tình tiết này các bên thừa nhận là có thật. Sau khi vay, do ông S, bà H bị thua lỗ mất khả năng T toán nên đã chấp nhận chuyển nhượng toàn bộ diện tích 03 thửa đất và trang trại heo cho bà L để trừ nợ. Tổng giá trị là 5.300.000.000 đồng (gồm tiền nợ bà L 3.300.000.000 đồng và tiền nợ vay tại Ngân hàng nông nghiệp N là 2.000.000.000 đồng). Theo thỏa thuận giữa các bên thì Bà T đứng tên nhận chuyển nhượng và vay vốn ngân hàng 2.200.000.000 đồng.

Căn cứ vào 03 văn bản thỏa thuận ngày 01/6/2020; ngày 26/10/2020 và ngày 14/3/2021 có cơ sở xác định: Ban đầu bà L nhờ bà T đứng tên nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hộ cho bà L, vấn đề này được chứng minh tại nội dung văn bản ngày 01/6/2020. Sau đó hai bên thống nhất hợp tác góp tiền mua chung và cùng sở hữu chung theo phần đối với diện tích đất và trang trại nêu trên bằng số nợ cho vay của các bên, cụ thể bà T góp 1.750.000.000 đồng, bà T góp 1.550.000.000 đồng và vay ngân hàng 2.200.000.000 đồng, vấn đề này được chứng minh tại văn bản thỏa thuận ngày 26/10/2020 và văn bản ngày 14/3/2021 giữa các bên. Như vậy, căn cứ vào các văn bản thỏa thuận nêu trên có đủ cơ sở để xác định bà T và bà L là đồng sở hữu đối với 03 thửa đất và toàn bộ trang trại nuôi heo có nguồn gốc nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông S, bà H. Phần sở hữu chung theo phần của từng người được xác định như nêu ở trên.

Do vậy, kể từ khi các bên thỏa thuận sở hữu chung thì nghĩa vụ phát sinh từ quan hệ vay tiền giữa bà L với bà T theo các giấy vay tiền ngày 02/3/2020, ngày 05/4/2020 và ngày 29/5/2020 đã chấm dứt theo quy định tại khoản 2 Điều 372 Bộ luật dân sự nên việc cấp sơ thẩm bác yêu cầu phản tố của bà T đối với bà L về việc yêu cầu bà L trả nợ số tiền vay gốc là 1.550.000.000 đồng và tiền lãi là đúng với sự thật khách quan của vụ án.

[2.2]. Xét yêu cầu khởi kiện của bà L đòi bà T trả 1.750.000.000 đồng là không phù hợp theo quy định của pháp luật. Bởi lẽ, các tài liệu chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa thể hiện rõ các bên đã thỏa thuận bằng văn bản góp tiền mua chung bằng số tiền đã cho vay. Thỏa thuận này của các bên là hợp đồng hợp tác theo quy định tại Điều 504 Bộ luật dân sự. Như vậy, có cơ sở xác định 03 quyền sử dụng đất và trang trại heo gắn liền trên đất là sở hữu chung theo phần của bà L và bà T tương ứng với phần tiền góp của mỗi bên theo quy định tại Điều 506 Bộ luật dân sự.

Theo nội dung văn bản thỏa thuận ngày 14/3/2021 thì các bên đã thống nhất bán quyền sử dụng đất và trang trại gắn liền trên đất đã thế chấp Ngân hàng để trả nợ Ngân hàng còn lại chia đôi, thỏa thuận này giữa các bên là phù hợp theo quy định tại các Điều 507, 508 và 509 Bộ luật dân sự. Do vi phạm nghĩa vụ trả lãi theo hợp đồng tín dụng và hai bên đã thống nhất bán tài sản để trả nợ Ngân hàng nên bên vay phải giao cho Ngân hàng phát mãi bán đấu giá toàn bộ tài sản là phù hợp. Kết quả bán đấu giá tài sản thế chấp với số tiền là 2.518.000.000 đồng, trừ tiền nợ vay 2.200.000.000 đồng và chi phí khác còn lại số tiền là 137.000.000 đồng hiện nay bà T đang giữ. So với số tiền bỏ ra ban đầu thì các bên bị lỗ hơn 3 tỷ đồng. Theo nguyên tắc của hợp đồng hợp tác quy định tại Điều 504 Bộ luật dân sự thì các bên “*cùng hưởng lợi và cùng chịu trách nhiệm*”. Do vậy, việc cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả lại cho nguyên đơn số tiền góp vốn ban đầu là 1.775.000.000 đồng là không đúng.

Đối với số tiền còn lại là 137.000.000 đồng bị đơn đang giữ, nguyên đơn không yêu cầu chia theo nội dung văn bản ngày 14/3/2021 mà nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả lại số tiền góp ban đầu là 1.750.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét giải quyết trong vụ án này.

[3]. Xét ý kiến của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn đối với nội dung bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ để chấp nhận; đối với yêu cầu chấp nhận đơn phản tố của bị đơn là không phù hợp theo quy định của pháp luật nên không được chấp nhận. Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L và chấp nhận yêu cầu phản tố của bà T là chưa phù hợp.

[4]. Từ phân tích và nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy cấp sơ thẩm có nhầm lẫn trong việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp nên dẫn đến phán quyết của cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không đúng. Tuy nhiên việc thu thập chứng cứ và chứng minh đã được thực hiện đầy đủ nên Hội đồng xét xử chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của bị đơn và sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho đúng theo quy định của pháp luật.

[5]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc nguyên đơn, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền bị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện, yêu cầu phản tố theo quy định của pháp luật.

[6]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản khoản 2 Điều 372, Điều 463, Điều 504, Điều 508, Điều 509 Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Phạm Thị T. Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 27/2021/DS-ST ngày 23/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông.

Tuyên xử:

1. Bác đơn khởi kiện của bà Vũ Thị L yêu cầu bà Phạm Thị T phải trả số tiền 1.750.000.000đ (*Một tỷ, bảy trăm năm mươi triệu đồng*).

2. Bác đơn phản tố của bà Phạm Thị T yêu cầu bà Vũ Thị L trả nợ số tiền vay là 1.797.958.350đ (*Một tỷ, bảy trăm chín mươi bảy triệu, chín trăm năm mươi tám nghìn, ba trăm năm mươi đồng*), trong đó số tiền gốc là 1.550.000.000 đồng và tiền lãi là 247.958.350 đồng.

3. Về án phí:

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc bà Vũ Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 64.500.000đ (Sau mười tư triệu năm trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền 32.250.000đ (*Ba mươi hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0003360 ngày 13/5/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đắk Nông. Bà Vũ Thị L còn phải nộp 32.250.000đ (*Ba mươi hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

- Buộc bà Phạm Thị T phải chịu án phí đối với yêu cầu phản tố không được chấp nhận là 65.938.750đ (*Sáu mươi lăm triệu, chín trăm ba mươi tám nghìn, bảy trăm năm mươi đồng*), được khấu trừ 31.715.000đ (*Ba mươi một triệu, bảy trăm mười lăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0003398 ngày 11/6/2021, bà Phạm Thị T còn phải nộp 34.223.750đ (*Ba mươi bốn triệu, hai trăm hai mươi ba nghìn, bảy trăm năm mươi đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

3.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Phạm Thị T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Trả lại cho bà Phạm Thị T 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên số 0003575 ngày 07/12/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cư Jút.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- TAND huyện Cư Jút;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Tổ Hành chính tư pháp;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tòa dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(*Đã ký, đóng dấu*)

Nguyễn Anh Ứng

